

Số: 131 /QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phân bổ chỉ tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy Học kỳ 1 - Năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-HVHK ngày 08/08/2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-HVHK ngày 31/08/2022 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập tại Học viện hàng không Việt Nam;

Căn cứ tờ trình ngày 31/01/2024 của Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên về việc phân bổ cấp chỉ tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy năm học 2023-2024 đã được Giám đốc phê duyệt;

Xét đề nghị của trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 489 chỉ tiêu cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ 1 - Năm học 2023-2024 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Lãnh đạo các Khoa và các đơn vị thuộc Học viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

**DANH SÁCH CHỈ TIÊU CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2023-2024**

(Đính kèm Quyết định số: 131 /QĐ-HVHK ngày 31 tháng 01 năm 2024)

CHỈ TIÊU HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC KỲ I: 489 chỉ tiêu

TT	NGÀNH	KHÓA 2019	KHÓA 2020	KHÓA 2021	KHÓA 2022	KHÓA 2023	Tổng cộng
A. Trình độ Cao đẳng:							
1	Kiểm tra ANHK	0	0	1	3	2	6
2	Kỹ thuật BDCKTB	0	0	0	2	3	5
3	Kiểm soát không lưu	0	0	4	2	2	8
4	Dịch vụ thương mại HK	0	0	2	9	5	16
B. Trình độ Đại học:							
1	Quản trị DV DL&LH	0	0	0	8	13	21
2	CNKT Điện tử viễn thông	5	6	6	6	6	29
3	Kỹ thuật Hàng không	0	6	4	7	12	29
4	Kinh tế vận tải	0	0	0	13	24	37
5	Ngôn ngữ Anh	0	0	8	13	37	58
6	Quản trị nhân lực	0	0	0	9	18	27
7	Quản trị kinh doanh	0	23	37	26	56	142
8	CNKT điều khiển và tự động hóa	0	0	6	7	8	21
9	Công nghệ thông tin	0	0	9	22	30	61
10	CNKT Công trình xây dựng	0	0	0	2	1	3
11	Quản lý hoạt động bay	0	4	4	7	11	26
	Tổng cộng:	5	39	81	136	228	489